**MÔN NGỮ VĂN**

**MỘT SỐ CĂN DẶN VỚI HỌC SINH VÀ PHỤ HUYNH**

**\* ĐỐI VỚI HỌC SINH**

1/ Phần **nội dung bài học các em chép vào tập** ghi trên lớp còn phần **bài tập củng cố hoặc bài tập bổ sung các em làm vào vở bài tập hoặc tập học buổi chiều.**

2/ Khi học bài các em cần **xem và đọc nội dung bài học, câu hỏi trong SGK**.

3/ Hàng ngày, các em đều **phải học ít nhất là 1 bài mới và làm bài tập** đầy đủ. Nếu có thắc mắc, không hiểu bài các em có **thể liên hệ với giáo viên bộ môn, GVCN** để nhờ giải đáp.

4/ Đề cương các em **phải bảo quản cẩn thận** để khi đi học lại sử dụng ôn thi cuối năm.

**\* ĐỐI VỚI PHỤ HUYNH**

1/ Phụ huynh cấn phối hợp chặt chẽ với nhà trường, GVCN, GVBM để báo cáo tình hình học tập và làm bài của các em.

2/ Phụ huynh thường xuyên nhắc nhở các em học bài, làm bài tập và chép bài đầy đủ.

3/ Mọi thắc mắc về bài học phụ huynh liên hệ ngay với GVBM hoặc GVCN để được hỗ trợ.

**NGỮ VĂN 6**

**( Tuần 22 đến tuần 29)**

 **VĂN BẢN: VƯỢT THÁC (Võ Quảng)**

**I. Tìm hiểu chung:**

**1. Tác giả**

- Võ Quảng (1920 - 2007) quê ở Quảng Nam.

- Là nhà văn chuyên viết cho thiếu nhi.

**2. Tác phẩm**

- Xuất xứ: trích từ chương XI tác phẩm Quê nội (1974).

- Thể loại: truyện dài.

- Bố cục: 3 phần.

+ P1: Từ đầu -> “Thuyền chuẩn bị vượt qua nhiều thác nước”: *Cảnh dòng sông và hai bên bờ trước khi thuyền vượt thác.*

+ P2: Từ “đến phường Rạch” -> “Thuyền vượt qua Cổ Cò”: *Cuộc vượt thác của Dượng Hương Thư.*

+ P 3: Phần còn lại: *Cảnh dòng sông và hai bên bờ sau khi thuyền vượt thác.*

- Phương thức biểu đạt: Miêu tả, tự sự.

**II. Tìm hiểu văn bản**

**1. Cảnh thiên nhiên:**

 *- Cảnh dòng sông:*

+ Ở đồng bằng dòng sông chảy chầm chậm, êm ả, gió nồm thổi, cánh buồm nhỏ căng phồng, rẽ sóng lướt bon bon....chở đầy sản vật.

+ Đoạn sông có nhiều thác dữ: “Nước từ trên cao…đứt đuôi rắn” => Sự hiểm trở, dữ dội của dòng sông.

*- Hai bên bờ:*

+ Bãi dâu trải bạt ngàn

+ Những chòm cổ thụ dáng mãnh liệt đứng trầm ngâm lặng nhìn xuống nước.

+ Những dãy núi cao sừng sững.

+ Những cây to mọc giữa những bụi lúp xúp nom xa như những cụ già vung tay hô đám con cháu tiến về phía trước.

🡪 Dùng nhiều từ láy gợi hình (trầm ngâm, sừng sững, lúp xúp).

Phép nhân hoá (những chòm cổ thụ...); Phép so sánh (những cây to mọc giữa những bụi...). Điều đó khiến cảnh trở nên rõ nét, sinh động.

***🡺 Cảnh thiên nhiên đa dạng phong phú, giàu sức sống. Thiên nhiên vừa tươi đẹp, vừa nguyên sơ, cổ kính.***

***2*. Cuộc vượt thác của Dượng Hương Thư:**

*- Hoàn cảnh*: lái thuyền vượt thác giữa mùa nước to. Nước từ trên cao phóng giữa hai vách đá dựng đứng. Thuyền vùng vằng cứ chực tụt xuống.

=> Đầy khó khăn nguy hiểm, cần tới sự dũng cảm của con người.

- *Hình ảnh Dượng Hương Thư:*

*+ Ngoại hình*: Cởi trần, như một pho tượmg đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa.

*+ Động tác:*co người phóng chiếc sào xuống lòng sông, ghì trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ, thả sào, rút sào rập ràng nhanh như cắt.

🡪Nghệ thuật: so sánh, gợi tả một con người với nét ngoại hình rắn chắc, dũng mãnh, tư thế hào hùng, bền bỉ, quả cảm.

🡺 Dượng Hương Thư là người lao động quả cảm, người chỉ huy bình tĩnh, dày dạn kinh nghiệm, nhưng khiêm tốn, nhu mì.

**III. Tổng kết**

**1. Nghệ thuật**

- Kết hợp tả cảnh và tả người với nhiều biện pháp tu từ gợi cảm cao.

- Chi tiết miêu tả có chọn lọc qua ngôn ngữ giàu hình ảnh, gợi liên tưởng.

**2. Nội dung**

**\*Ghi nhớ SGK/41**

**IV.Luyện tập**

**1. Tại sao cùng là những cây cổ thụ với nhau nhưng tác giả lại có 2 cách ví von khác nhau?**

**\*Trước khi thuyền vượt thác:**

Dọc sông, những chòm cổ thụ dáng mãnh liệt đứng trầm ngâm lặng nhìn xuống nước.

**\*Sau khi thuyền vượt thác:**

Dọc sườn núi, những cây to mọc giữa những bụi lúp xúp nom xa như những cụ già vung tay hô đám con cháu tiến về phía trước.

**2. Em có cảm nhận như thế nào về hình ảnh Dượng Hương Thư giống như “một hiệp sĩ Trường Sơn oai linh”?**

**3. Hình ảnh dượng Hương Thư trong cuộc vượt thác được miêu tả như thế nào?**

**V. Hướng dẫn học tập ở nhà:**

 - Nắm vững kiến thức phần: Tìm hiểu văn bản

* + Học phần nghệ thuật, nội dung. (Tổng kết)
	+ Trả lời các câu hỏi trên
	+ Xem bài mới: So sánh (tt)- đọc ví dụ và trả lời câu hỏi sgk/41-42

**TIẾNG VIỆT: SO SÁNH (tt)**

***I. Các kiểu so sánh***

**1/ Xét VD sgk/41:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Vế A | P. diện Sosánh | Từ so sánh | Vế B |
| - Những ngôi sao - Mẹ | Thức | Chẳng bằng là  | mẹngọn gió |

- *Chẳng bằng*: Vế A không ngang bằng vế B

- *Là* : Vế A ngang bằng vế B

***-> Hai kiểu : So sánh ngang bằng và so sánh không ngang bằng.)***

**2/ Ghi nhớ 1: SGK/ 42**

Cho VD: Mị Nương người đẹp **như** hoa

Lan cao **hơn** Hoa

***II. Tác dụng của so sánh***

**1/ Xét VD sgk1/42:**

\* Câu văn có sử dụng phép so sánh

**- *Có chiếc lá tựa mũi tên nhọn...***

**- *Có chiếc lá như con chim bị lảo đảo...***

***- Có chiếc lá như nhẹ nhàng khoan thai....***

***- Có chiếc lá như sợ hãi...***

\* Sự vật được so sánh là chiếc lá (vật vô tri, vô giác)

- So sánh trong hoàn cảnh lá rụng: Đoạn văn hay, giàu hình ảnh, gợi cảm, xúc động, trân trọng ngòi bút tài hoa, tinh tế của tác giả.

\* Có được cảm xúc đó là nhờ tác giả đã sử dụng thành công phép so sánh: Chỉ là một chiếc lá thôi mà có đủ các cung bậc tình cảm vui, buồn của con người được gửi gắm trong đó: Khi thì như mũi tên, húc lại như con chim lảo đảo, có khi thì thầm, lại có lúc sợ hãi...

**2/ Ghi nhớ 2SGK/42**

***III. Luyện tập***

***Bài tập 1*** : Học sinh tự làm

***Bài tập 2 :*** Học sinh nhắc lại những chi tiết đã khai thác ở bài văn

***Bài tập 3*** *:* HS viết đoạn văn

**IV. Hướng dẫn học tập ở nhà:**

* + Học phần ghi nhớ sgk/42
	+ Hoàn thành các bài tập.
	+ Chuẩn bị bài mới: Phương pháp tả cảnh

**TẬP LÀM VĂN: PHƯƠNG PHÁP TẢ CẢNH**

**I. Phương pháp viết văn tả cảnh**

***1. Đọc văn bản sgk/45***

***a. Đoạn văn a :***

- Tả dượng Hương Thư chống sào vượt thác .

- Người vượt thác đem hết sức lực, tinh thần để chiến đấu cùng thác dữ (nhờ tả ngoại hình, các động tác).

***b. Đoạn văn b*** *:*

-Tả cảnh sắc vùng sông nước Cà Mau – Năm Căn.

-Trình tự : Từ gần -> xa: Hợp lý bởi người tả đang ngồi trên thuyền xuôi từ kênh ra sông.

***c. Đoạn văn c :*** Hình ảnh lũy tre làng.

- Mở đoạn: Giới thiệu về tác dụng, cấu tạo, sắc màu của lũy tre làng.

- Thân đoạn : Tả kĩ các vòng của luỹ tre.

- Kết đoạn : Tả măng tre dưới gốc.

 ***🡺 Trình tự miêu tả : Từ khái quát -> cụ thể ; Từ ngoài vào trong (không gian) => hợp lí***

2.***Ghi nhớ***: (SGK /47)***.***

**II. Luyện tập phương pháp viết văn tả cảnh và bố cục bài tả cảnh.**

 **Bài tập 1:**

**\* Gợi ý:**

 a. Có thể tả từ ngoài vào trong (trình tự không gian)

 - Có thể tả từ lúc trống vào => hết giờ (… thời gian)

 b. Những hình ảnh cụ thể tiêu biểu có thể chọn.

 - Cảnh học sinh nhận đề. Một vài gương mặt tiêu biểu

 - Cảnh học sinh chăm chú làm bài

 - Cảnh thu bài

 - Cảnh bên ngoài lớp học : sân trường, gió, cây

**Bài 2:**

**\* Gợi ý:**

 a. Tả cảnh theo trình tự thời gian

 - Trống hết tiết 2, báo hiệu giờ ra chơi đã tới

 - Học sinh các lớp ra sân

 - Cảnh học sinh chơi đùa

 - Các trò chơi quen thuộc

 - Góc phía đông, giữa sân

 - Trống vào lớp. Học sinh về lớp

 - Cảm xúc của người viết

 b. Theo trình tự không gian

 - Các trò chơi giữa sân, các góc sân

 - Một trò chơi đặc sắc, mới lạ, sôi động

**Bài 3**:

**\* Gợi ý:**

 ***a. Mở bài*** : Biển đẹp vào buổi sáng.

 ***b. Thân bài*** : cảnh đẹp của biển cả trong những thời điểm khác nhau:

 - Cảnh biển vào một buổi chiều gió mùa đông vừa dừng: biển lặng, đỏ đục, loáng thoáng những con thuyền.

 - Cảnh biển vào một ngày trời mưa rào: mưa giăng bốn phía, có quãng nắng xuyên đủ màu.

 - Cảnh biển vào một buổi nắng sớm mờ: biển bốc hơi nước, một màu trắng đục, không có thuyền, không có sóng...

 - Cảnh biển vào một buổi chiều lạnh: Những đảo xa lam nhạt, không gió mà sóng vẫn vỗ rì rầm, nước biển dâng...

 - Cảnh đẹp vào buổi chiều nắng tàn mát dịu: xanh trong, đảo xa tím pha hồng, sóng nhè nhẹ...

 - Buổi xế trưa: tia nắng dát vàng...

 - Biển thay đổi màu theo sắc mây trời.

 ***c. Kết bài*** : Nguồn gốc của hình ảnh biển đẹp

**III. Hướng dẫn học tập ở nhà:**

* + Học phần ghi nhớ sgk/47
	+ Hoàn thành các bài tập.
	+ Chuẩn bị bài mới: Viết bài Tập làm văn số 5

**====================================================**

**VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN TẢ CẢNH**

**Đề1: Hãy viết bài văn miêu tả hàng phượng vĩ và tiếng ve vào một ngày hè.**

**Dàn ý:**

**1. Mở bài:**

- Mùa hè ở nước ta nóng vô cùng, cái nóng làm con người ta có cảm giác mình như được giải phóng rất nhiều năng lượng.

- Hoa phượng và tiếng ve là dấu hiệu của mùa hè, cũng là mùa mà học sinh trong cả nước thích nhất.

- Khi hè đến đám học tròchúng em liền được nhìn thấy cây phượng đỏ rực và nghetiếng ve vang vọng khắp mọi nẻo đường.

**2. Thân bài:**

- Tả cây phượng:

+ Cây phượng trường em đứng đó đã nhiều năm rồi. Một hàng dài cứ hiên ngang đứng giữa sân trường.

+ Thân cây màu xám có nhiều đốm trắng bạc cho thấy cây phượng trường em đã già lắm rồi.

+ Cành cây xum xuê như những cánh tay tỏa ra che chở cho đám học trò chúng em vào những giờ giải lao.

+ Lá cây xanh ngắt nhìn mơn mởnnhư lá me non.Chúng chen lấn với những đoá phượng đỏ thắm và rực rỡ.

+ Hai màu sắc tạo nên sự tương phản rõ rệt nhưng làm cho người khác rất dễ chịu.

+ Những đóa hoa đỏ rực, những đóa hoa kiêu sa khoe sắc, nhìn từ xa như những đám lửa bùng cháy giữa bầu trời trong xanh.

+ Sau cơn mưa mùa hạ, hoa phượng rơi rải rác dưới sân trường như rải xuống một lớp thảm mềm màu đỏ.

+ Chúng em nhặt những cánh hoa ấy làm thành những chú bướm xinh xinh, ép vào trang vở.

- Tiếng ve:

+ Ẩn dưới những chiếc lá xanh là những chú ve sầu kêu râm ran,rạo rực suốt những ngày hè oi ả.

+ Mỗi chú ve có vòng đời rất ngắn, chỉ được vài ngày thôi. Chúng thường lột bỏ lớp vỏ cũ trên vỏ cây thay vào đó là lớp vỏ mới.

+ Nhạc của ve rất khác biệt, không như nhiều thể loại nhạc được con nguời làm ra. Ta chỉ có thể nghe những giai điệu này vào mùa hè mỗi năm mà thôi.

+ Lúc này cũng là mùa thi của chúng em, mỗi bài giảng của thầy cô trên bảng như được đệm thêm tiếng nhạc của ve làm tinh thần của bao nhiêu sĩ tử không còn căng thẳng như những ngày đầu nữa.

- Mỗi lần học sinh nhìn thấy hàng phượng vĩ ra hoa và tiếng ve vang vọng là lại háo hức, mong chờ nhưng đồng thời cũng buồn khôn xiết.

**3. Kết bài:**

- Em rất muốn năm nào cũng được ngắm hoa phượng và nghe tiếng ve kêu nên em và các bạn đã ra sức chăm sóc thật tốt và bảo vệ cây phượng khi những chú sâu nhỏ nhưng có hại.

- Em mong tình cảm của em và hàng phượng vĩ, tiếng ve và mái trường thân yêu này sẽ bền vững mãi mãi.

**Đề 2: Tả cây mai vàng vào dịp Tết ?**

**DÀN Ý:
I. Mở bài:** giới thiệu cây mai vào dịp tết
Ví dụ: Nhà em có rất nhiều loài hoa nhưng em thích nhất là cây hoa mai vàng ba em thường đem ra chưng trước sân vào dịp tết.
**II. Thân bài:** tả cây mai ngày tết
**1. Tả bao quát cây mai vào dịp tết:**

* Cây mai cao khoảng 2-4m
* Thân cây nhỏ và có nhiều lá
* Cây thường sống ngoài đất hay trong chậu
* Cây mai thường nở hoa vào dịp tết

**2. Tả chi tiết cây mai ngày tết:**a. Tả thân cây mai vào ngày tết:

* Thân cây mai cao khoảng 2m
* Thân nhỏ khoảng 10cm2
* Thân có nhiều cành mọc ra
* Thân cây mai thường thẳng đứng

b. Tả lá và hoa cây mai vào ngày tết:

* Lá hoa mai nhỏ, màu xanh sẫm
* Là rất nhiều, nhưng ngày tết muốn nó ra hoa phải hái hết lá, nên tết thường có nhiều lá non
* Hoa mai màu vàng, có nhị đỏ mọc ra từ nụ hoa, mùi hương thơm nhẹ
* Mỗi hoa mai khi về già rụng đi sẽ để lại hạt

c. Mối quan hệ của hoa mai với ngày tết

* Hoa mai là biểu tương cho tết sum vầy, đầm ấm , hạnh phúc
* Hoa mai thể hiện sự sang trọng của tết.

**III. Kết bài:** Nêu cảm nghỉ của em về cây hoa mai ngày tết
Ví dụ :
 Em rất thích cây hoa mai ngày tết. Cây hoa mai ra hoa rất đẹp. Em sẽ chăm sóc cây hoa mai nhà em thật tốt để mỗi dịp tết sẽ có hoa mai để chưng tết.

**\* Biểu điểm:**

+ Điểm 9 – 10: Bài làm tốt, bố cục chặt chẽ, nội dung miêu tả phong phú, viết văn có cảm xúc, trình bày sạch đẹp, mạch lạc.

+ Điểm 7 – 8: So với thang điểm 9 – 10 còn một vài sai sót nhỏ.

+ Điểm 5 – 6: Bài làm đạt yêu cầu ở mức trung bình, có bố cục nhưng viết văn khô, lỗi chính tả, lỗi diễn đạt còn nhiều.

+ Điểm 3 – 4: Bài làm không đạt yêu cầu, bố cục không rõ ràng, văn lủng củng.

+ Điểm 1 – 2: Làm sơ sài, diễn đạt kém.

**III. Hướng dẫn học tập ở nhà:**

* + Viết bài vào tập
	+ Xem bài mới: Buổi học cuối cùng ( đọc văn bản)

**VĂN BẢN: BUỔI HỌC CUỐI CÙNG**

**I. Tìm hiểu chung**

**1. Tác giả**

- An-phông-xơ Đô-đê (1840- 1897)- nhà văn Pháp.

- Là nhà văn nổi tiếng thế kỉ XIX.

**2. Tác phẩm**

- Ra đời sau chiến tranh Pháp - Phổ (1870).

- Thể loại: truyện ngắn.

- Bố cục: 3 phần.

- P1: Từ đầu tới mà vắng mặt em: *Quang cảnh từ nhà đến trường dưới con mắt quan sát của Phrăng*

- P2: Tiếp -> cuối cùng này: *Diến biến buổi học cuối cùng*

- P3: còn lại: *Cảnh kết thúc buổi học*

- Phương thức biểu đạt: miêu tả, tự sự.

**II. Tìm hiểu văn bản**

**1. Nhân vật chú bé Phrăng :**

**a. Trước buổi học**

 Không thuộc bài,đi học trễ nên muốn trốn học đi chơi ngoài đồng nội *🡪 Tâm trạng chán học, ham chơi nhưng đã ý thức được việc đến trường.*

**b. Khi đến trường**

- Ba chân bốn cẳng chạy đến trường.

- Nhận thấy mọi thứ thay đổi:

+ Lính Phổ đang tập.

+ Nhiều người tập trung trước trụ sở xã xem cáo thị.

+ Bình lặng như một buổi sáng chủ nhật.

+Thầy mặc lễ phục, trang trọng, dịu dàng.

+ Không khí lặng ngắt.

🡪 Có nhiều thay đổi

**c. Buổi học cuối cùng**

- Ngạc nhiên, choáng váng, tự giận mình khi biết là buổi học cuối cùng.

- Chăm chú nghe thầy giảng, nhớ mãi buổi học cuối cùng này.

🡪 Ân hận và hiểu được lời khuyên của thầy, quý trọng và biết ơn thầy.

**2. Thầy Ha-men:**

**a. Trang phục:** chiếc mũ lụa đen thêu, áo rơ-danh-gôt màu xanh lục, diềm lá sen.

**b. Thái độ:** dịu dàng, không trách mắng tội đến trễ của Phrăng.

**c. Hành động**

**\*Trong buổi học:**

- Kiên nhẫn giảng bài, chuẩn bị những tờ mẫu mới tinh, viết “chữ rông” thật đẹp.

- Đứng lặng im trên bục và đăm đăm nhìn, can đảm dạy hết buổi.

**\*Cuối buổi học:**

- Đứng trên bục, người tái nhợt, nghẹn ngào.

- Cầm phấn dằn mạnh, cố viết thật to.

- Đầu tựa vào tường ra hiệu cho chúng tôi.

-> Yêu nghề, yêu nước, trân trọng tiếng Pháp.

=> Giữ được tiếng nói của dân tộc thì có thể thoát khỏi chốn lao tù.

**III. Tổng kết**

**1. Nghệ thuật**

- Tình huống truyện độc đáo với ngôn ngữ tự nhiên, hình ảnh so sánh đặc sắc.

- Miêu tả tâm lí nhân vật qua tâm trạng, suy nghĩ, ngoại hình.

**2. Nội dung:**

**\*Ghi nhớ SGK/55**

**IV. Luyện tập**

**1. Hãy giải thích vì sao truyện có tên là “Buổi học cuối cùng”?**

Gợi ý: dựa vào phần chú thích để trả lời.

**2. Tại sao cụ Hô-đê lại ngồi trong phòng học nghe giảng bài cùng bọn trẻ?**

**3. Khi biết được ý nghĩa của buổi họchôm đó, tâm trạng của Phrăng thay đổi như thếnào?**

**V. Hướng dẫn học tập ở nhà:**

 - Nắm vững kiến thức phần: Tìm hiểu văn bản

* + Học phần nội dung, nghệ thuật (Tổng kết)
	+ Hoàn thành các bài tập.
	+ Chuẩn bị bài mới: Nhân hóa ( xem ví dụ sgk và trả lời câu hỏi trang 57,58)

 **Tiếng việt:**  **NHÂN HÓA**

**I**. **Nhân hóa là gì?**

**1. Xét ví dụ:** Sgk/56

+ Các sự vật : trời ,cây mía ,kiếm

+ Hành động : - Mặc áo giáp

 - Ra trận

 - Múa gươm

 - Hành quân

-> Miêu tả hành động của con người đang chuẩn bị chiến đấu

+ Cách gọi : Gọi " trời " bằng " ông "

=>***Dùng loại từ để gọi, miêu tả người để gọi, miêu tả sự vật.***

- Cách 1*: sử dụng phép nhân hoá làm cho sự vật, sự việc hiện lên sống động, gần gũi với con người.*

- Cách 2: *Miêu tả tường thuật một cách khách quan.*

***🡺 Tác dụng: làm cho sự vật, sự việc hiện lên sống động, gần gũi với con người.***

Ví dụ: Núi cao bởi có đất bồi

 Núi chê đất thấp, núi ngồi ở đâu ?

**2/ Ghi nhớ1: SGK/57**

Cho VD:

**II.Các kiểu nhân hoá:**

**1/ Xét VD SGK/57:**

*\* Sự việc được nhân hoá:*

 - Miệng, Tai, Tay, Chân, Mắt

 - Tre.

 - Trâu.

*\* Từ ngữ nhân hoá:*

 - Lão, cậu, cô, bác

 - Xung phong, chống, giữ

 - Ơi

*\* Cách nhân hoá:*

 *- Dùng từ ngữ vốn gọi người để gọi vật.*

 *- Từ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ vật.*

 *- Từ chuyên xưng hô với vật như người.*

***2/ Ghi nhớ2 : SGK/58***

 Cho VD:

**III. Luyện tập**

**1. Bài 1, 2, 3 (Học sinh tự làm)**

**Bài 3**:

\* Gợi ý:

- Giống nhau: Đều tả cái chổi rơm.

- Khác nhau:

+ Dùng nhân hoá bằng cách gọi chổi rơm là cô bé => văn bản biểu cảm.

+ Không dùng phép nhân hoá => Là văn bản thuyết minh.

**Bài 4**:

\* Gợi ý:

a)    núi ơi: trò chuyện, xưng hô với vật như người.

b)    – (cua cá) tấp nập; (cỏ, vạc, sếu, le …) cãi cọ om sòm: dùng từ ngữ vốn chi hoạt động, tính chất của người đế chỉ hoạt động, tính chất của vật.

–  họ (cò, sếu, vạc, le …), anh (cò): dùng từ ngữ vốn gọi người để gọi vật.

c)  (chòm cổ thụ) dáng mãnh liệt, đứtìg trầm ngâm, lặng nhìn; (thuyền) vùng vằng: dùng từ ngữ vốn chi hoạt dộng, tính chất của người để chỉ hoạt động, tính chất của sự vật.

d)  (cày) bị thương; thân mình, vết thương,cục máu: dùng từ ngữ vốn chỉ hoạt động, tính chất, bộ phận của người để chí hoạt động, tính chất của vật.

**Bài 5: Hs tự làm**

**IV. Hướng dẫn học tập ở nhà:**

- Học sinh hoàn thành các bài tập .

- Học thuộc 2 khung ghi nhớ trang 57, 58.

- Xem bài “Phương pháp tả người”.

**\* Câu hỏi thêm:**

- Nêu khái niệm nhân hóa?

- Có mấy kiểu nhân hóa thường gặp? hãy kể ra và mỗi kiểu cho 1 ví dụ?

**Tập làm văn: PHƯƠNG PHÁP TẢ NGƯỜI**

**I. Phương pháp viết một đoạn văn, bài văn tả người.**

**1.Xét ví dụ:** SGK/59, 60, 61.

a. Tả Dượng Hương Thư - Người chèo thuyền, vượt thác.

b. Tả Cai Tứ - Người đàn ông gian hùng.

c. Tả hai đô vật tài, mạnh: Quắm đen và Ông Cản Ngũ trong keo vật ở Đền Đô.

***\* Những từ ngữ và hình ảnh thể hiện:***

- Đoạn 1: Như một pho tượng đồng đúc, bắp thịt cuồn cuộn...

- Đoạn 2: Mặt vuông, má hóp, lông mày lổm nhổm, đôi mắt gian hùng, mồm toe toét, tối om, răng vàng hợm...

- Đoạn 3: Lăn xả, đánh ráo riết, thế đánh lắt léo, hóc hiểm, thoắt biến hoá khôn lường...dứng như cây trồng giữa xới, thò tay nhấc bổng như giơ con ếch có buộc sợi dây ngang bụng, thần lực ghê gớm...

***\* Trong các đoạn văn trên:***

- Đoạn 2: Chỉ tả chân dung nhân vật Cai Tứ nên dùng ít động từ mà nhiều tính từ.

- Đoạn 1,3: Tập trung miêu tả chân dung nhân vật kết hợp với hành động nên dùng nhiều động từ, ít tính từ.

***\* Đoạn văn thứ 3 gần như một bài văn miêu tả hoàn chỉnh có ba phần:***

*- Mở đoạn:* Cảnh keo vật chuẩn bị bắt đầu.

*- Thân đoạn:* Diễn biến của keo vật. Đoạn này có thể chia làm 3 đoạn nhỏ:

+ Những nhịp trống đầu tiên. Quắm Đen ráo riết tấn công. Ông Cản Ngũ lúng túng đón đỡ, bỗng bị mất đà do bước hụt.

+ Tiếng trống dồn lên, gấp rút giục giã. Quắm Đen cố mãi cũng không bê nổi cái chân của ông Cản Ngũ.

+ Quắm Đen thất bại nhục nhã.

*- Kết đoạn:* Mọi người kinh sợ trước thần lực ghê gớm của ông Cản Ngũ.

***\* Đặt nhan đề cho bài văn:***

- Keo vật thách đấu

- Quắm Đen thảm hại

- Hội vật đền Đô năm ấy.

🡺 Yêu cầu của bài văn tả người:

*- Xác định được đối tượng cần tả*

*- Quan sát lựa chọn hình ảnh tiêu biểu*

*- Trình bày những điều quan sát được theo một thứ tự*

*- Bố cục:*

*+ MB: Giới thiệu người được tả*

*+TB: Miêu tả chi tiết*

*+KB: Nhận xét, cảm nghĩ về người được tả.*

**2. *Ghi nhớ* :SGK- Tr 61**

**II.Luyện tập**

***Bài 1/62****:* Tìm các chi tiết tiêu biểu mà em sẽ lựa chon khi miêu tả cá đối tượng:

a/ Một cụ già cao tuổi:

Da nhăn nheo nhưng đỏ hồng hào hoặc đồi mồi, vàng vàng, mắt vẫn tunh tường lay láy hoặc châm chạp, tóc bạc như mây trắng hay rụng lơ thơ...Tiếng nói trần vang hay thều thào yếu ớt.

b. Em bé: Mắt đen lóng lánh, môi đỏ chon chót, hay cười toe toét, mũi tẹt, thỉnh thoảng thò lò, sịt sịt, nói ngọng...

c. Cô giáo say mê giảng bài trên lớp: Tiếng nói trong trẻo, dịu dàng, say sưa như sống với nhân vật, đôi mắt lóng lánh niềm vui, bàn tay nhịp nhịp viên phấn, chân bước chậm rãi từ trên bậc xuống lối đi giữa lớp... cô như đang trò truỵen với nhà văn, với chúng em, với cả những người trong sách.

***Bài 2/62****:* Hãy tả một em bé chừng 4 – 5 tuổi?

Lập dàn ý:

a.Mở bài: Giới thiệu chung về em bé 4-5 tuổi

- Em bé đó tên gì? Mấy tuổi? Trai hay gái? Ở đâu?

- Quan hệ với em như thế nào?

b.Thân bài:Tả em bé

- Hình dáng:

+ Tầm vóc, thân hình (cao hay thấp, bụ bẫm, mập mạp hay gầy).

+ Nước da (trắng trẻo hay ngăm ngăm)

+ Mái tóc như thế nào?

+ Gương mặt như thế nào? ( trán, lông mày, mắt, lông mi, mũi, , miệng, răng….)

- Tính nết:

+ Có ngoan ngoãn, biết nghe lời không?

+ Hiền lành, nhút nhát hay hiếu động, nghịch ngợm?

+ Có thông minh, học giỏi hay không?

+ Có tài gì?(hát, múa, kể chuyện…)

- Em có tình cảm và đối xử với em bé đó như thế nào?

- Em bé đó có tình cảm và đối xử với em như thế nào?

c. Kết bài: Cảm nghĩ của em về em bé đó.

***Bài 3/62****:* Những từ có thể thêm vào chỗ chấm...

- Đỏ như: Tôm luộc, mặt trời, người say rượu...

- Trông không khác gì: thiên tướng, võ tòng, con gấu lớn, hộ pháp trong chùa

- Đó là hình ảnh Ông cản Ngũ vào xới vật.

**III.Hướng dẫn học tập ở nhà:**

- Học thuộc ghi nhớ.

- Xem trước văn bản bài ***Đêm nay Bác không ngủ*** trang 67.

**\*Câu hỏi thêm:**

- Muốn tả người cần xác định những gì?

- Nêu bố cục của bài văn tả người thường có mấy phần?

- Lập dàn ý miêu tả cô giáo của em đang say sưa giảng bài trên lớp?